

Bản án số: 429/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20 tháng 11 năm 2020
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hà Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Đào Thị Minh – giáo viên nghỉ hưu

Bà: Nguyễn Thị Hà – giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thiện Phúc – thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 276/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2020/QĐST- HNGĐ ngày 04/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Bích N**, sinh năm 1990

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 7, xã N, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Xóm 3, xã N, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: anh Anh **Nguyễn Ngọc K**, sinh năm 1988

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm 7, xã N, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/7/2020, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - chị Vũ Thị Bích N trình bày:

Về hôn nhân: chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc K trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, Gia Lâm, thành phố Hà Nội ngày 13/7/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống cùng bố mẹ anh K tại xóm 7, xã N, Gia Lâm, Hà Nội đến năm 2017 vợ chồng chị ở riêng tại xóm 2, N. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống và cả về kinh tế. Giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh K công tác tại trại giam số 2 – Công an Hà Nội, hôm trực đêm, hôm không, cuối tuần có hôm được nghỉ, có tuần không được nghỉ. Nhiều hôm không phải trực đêm hoặc cuối tuần không phải trực nhưng anh K cũng không về, thường xuyên vắng nhà. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị muốn nói chuyện với anh K nhưng anh K né tránh không tìm cách giải quyết dứt điểm mâu thuẫn. Khi về nhà, anh K chỉ thăm con không hề quan tâm đến chị. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị có nghe nói là anh K có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác ở quận Hoàng Mai nhưng chị không có chứng cứ rõ ràng mà chỉ nhận thấy anh K ngày càng nhạt nhẽo, xa cách, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau. Vì vậy đầu năm 2020, chị cùng hai con về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xóm 3, xã N, vợ chồng chị ly thân, cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau từ đó đến nay. Tháng 02/2020, chị đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm nhưng chị lại rút đơn về vì muốn tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau. Tuy nhiên, sau đó quan hệ vợ chồng không hề được cải thiện, vợ chồng không có cuộc sống chung, tiếp tục ly thân. Chị nhận thấy quan hệ hôn nhân không thể cải thiện được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị quyết định làm đơn ly hôn với anh K. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh K đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K.

Về con chung: chị và anh K có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 18/3/2010 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/5/2012, cả hai cháu đều đang ở cùng chị tại nhà bố mẹ đẻ chị là bà Ngô Thị N và ông Vũ Trọng Đ ở xóm 3, xã N, Gia Lâm, Hà Nội. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện chị đang kinh doanh quần áo tại ki ốt số 9-10 ở Trung tâm thương mại Tuấn Dung, xã N. Thu nhập bình quân hàng tháng của chị khoảng 10 triệu đồng.

Về tài sản chung vợ chồng: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết do anh K không đến Tòa.

Ngoài ra Chị N không còn yêu cầu và không trình bày nội dung nào nữa.

Bị đơn, là anh Nguyễn Ngọc K không có lời khai tại Tòa án do quá trình giải quyết vụ án anh K không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Đối với hai con chung của Chị N và anh K là cháu Nguyễn Ngọc H và cháu Nguyễn Ngọc T đều trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Đối với vụ án này, Tòa án không hòa giải được về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung vì vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: chị Vũ Thị Bích N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc K và nội dung các lời khai mà chị đã trình bày tại Tòa án. Bị đơn, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị đơn không chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự thể hiện qua việc vắng mặt tại phiên tòa và quá trình tố tụng giải quyết vụ án không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Vũ Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc K

Về con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị Bích N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh K cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Trong vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc K có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại huyện Gia Lâm. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và cung cấp

của mẹ anh K là bà Nguyễn Thị T có căn cứ khẳng định anh K hiện đang sinh sống cùng bố mẹ là ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị T tại địa chỉ xóm 7, xã N, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Bị đơn, anh Nguyễn Ngọc K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không phải vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị Bích N và anh Nguyễn Ngọc K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội ngày 13/7/2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3]. *Về nguyên nhân mâu thuẫn*: Căn cứ vào những lời khai của Chị N, các biên bản làm việc của Tòa án với Chính quyền địa phương và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Vũ Thị Bích N và anh Nguyễn Ngọc K quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm giải quyết mâu thuẫn, anh K né tránh gặp Chị N để nói chuyện, cuộc sống vợ chồng căng thẳng kéo dài, vợ chồng không cùng chung chí hướng và mục đích trong hôn nhân. Đến đầu năm 2020, vợ chồng chị ly thân, cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau cho đến nay. Nay Chị N xác định tình cảm vợ chồng với anh K đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh K đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh K đều vắng mặt. Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương nhiều lần đến tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án và ra Thông báo ngày 17/8/2020 để thông báo cho anh K về lời khai và quan điểm của Chị N, về tình cảm, con chung và tài sản chung khi vợ chồng khi ly hôn. Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nơi cư trú của anh K để lấy lời khai nhưng không được do anh K vắng nhà. Chính quyền địa phương cũng như mẹ anh K cung cấp, anh K hiện sinh sống cùng bố mẹ tại xóm 7, xã N, Gia Lâm, Hà Nội. Do đặc thù công việc của anh K công tác trại giam số 2 thuộc Công an thành phố Hà Nội là thường phải trực, cuối tuần mới về nhà. Mẹ anh K là bà Nguyễn Thị Thuần cho biết, tất cả các văn bản tố tụng Tòa án đề nghị bà chuyển cho anh K, bà đều đã giao lại cho anh K, anh K đã biết việc Chị N là vợ anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh. Tuy nhiên, anh K không đến Tòa theo Giấy triệu tập của Tòa án, cũng không gửi cho Tòa án có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị N và tài liệu chứng cứ kèm theo. Anh K chưa bao giờ đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án cũng như hòa giải theo quy định của pháp luật. Qua đó thể hiện anh K không nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật Tố tụng dân sự, không có

ý thức hàn gắn tình cảm khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không sống cùng với nhau, cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau từ đầu năm 2020 đến nay.

Như vậy, Chị N trình bày là vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau từ đầu năm 2020 đến nay là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Như vậy, mục đích hôn nhân của vợ chồng của Chị N và anh K không đạt được. Do vậy, thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:*

Vì anh K không đến Tòa án, nên căn cứ vào lời khai của Chị N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Chị N và anh K có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 18/3/2010 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/5/2012. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Hai con chung của anh chị cũng có nguyện vọng tiếp tục ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Theo Chị N trình bày và qua các Biên bản làm việc của Tòa án với chính quyền địa phương và với bà Ngô Thị N là mẹ đẻ Chị N thể hiện sau khi vợ chồng anh chị ly thân, Chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu T và cháu H còn anh K thường xuyên vắng nhà do đặc thù công việc.

Xét về khả năng nuôi dưỡng con của Chị N: Căn cứ vào Biên bản làm việc của Tòa án với chính quyền địa phương và Đơn xin xác nhận ngày 16/8/2020 do Chị N cung cấp thể hiện Chị N đang kinh doanh quần áo tại kiot số 9-10 ở Trung tâm thương mại Tuấn Dung trên địa bàn xã N, thu nhập bình quân của chị khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Chị N và hai con hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ tại xóm 3, xã N. Mẹ đẻ Chị N đại diện gia đình có lời khai tiếp tục tạo điều kiện về chỗ ở cho mẹ con Chị N, giúp đỡ Chị N trong việc nuôi dạy con cái. Đối với anh K do anh K không đến Tòa án, không có lời khai của anh K nên không có ý kiến của anh K về con chung vợ chồng.

Theo khoản 3 điều 70 Luật hôn nhân gia đình quy định: “*Con chưa thành niêncó quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc*”. Vì vậy hội đồng xét xử thấy giao cháu Nguyễn Ngọc T và cháu Nguyễn Ngọc H cho Chị N tiếp tục nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý, đúng với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Chị N không yêu cầu anh K phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh K cho đến khi cháu Thành và cháu Hưng trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Do anh K không đến Tòa, Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 88 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Bích N với anh Nguyễn Ngọc K. Chị Vũ Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc K.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 18/3/2010 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/5/2012 cho chị Vũ Thị Bích N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Ngọc K cho đến khi cháu Thành và cháu Hưng trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Bích N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2010/0005361, ngày 20/7/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm nay được chuyển thành án phí. Chị N không phải nộp thêm tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Vũ Thị Bích N có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc K vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Những người tham gia tố tụng
- Toà án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND huyện Gia Lâm
- T.H.A DS huyện Gia Lâm
- UBND xã N
(ĐKKH số 80, quyền số 2010
Đk ngày 13.7.2010)
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thái Thị Hà Thu

Bản án này gồm có 07 trang. Tại phòng nghị án của Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, các thành viên của Hội đồng xét xử đều đã từng người, tự mình đọc lại toàn bộ bản án này, công nhận là đúng và đầy đủ, ký xác nhận dưới đây:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi:
- Những người tham gia tố tụng
- Toà án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND huyện Gia Lâm
- T.H.A DS huyện Gia Lâm
- UBND xã An Cầu, H. Quỳnh
Phụ, tỉnh Thái Bình. (ĐKKH số 19,
quyền số 01/2017, ngày 02.3.2007)
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thái Thị Hà Thu

Bản án này gồm có 08 trang. Tại phòng nghị án của Toà án nhân dân huyện Gia lâm – Thành phố Hà Nội, các thành viên của Hội đồng xét xử đều đã từng người, tự mình đọc lại toàn bộ bản án này, công nhận là đúng và đầy đủ, ký xác nhận.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi:
- Những người tham gia tố tụng
- Toà án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND huyện Gia Lâm-
T.H.DS huyện Gia Lâm
- UBND xã Yên Viên (ĐKKH số 50/2011, quyền số 01/2011 ngày 29.8.2011)
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thành Nam